

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15/3/2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Sơn.
- Bà Ngô Thị Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 494/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị Như M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Phùng Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt lần hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn - bà Trịnh Thị Như M trình bày:

Bà M và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà vợ tại Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ngay từ khi sống chung, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do kinh tế khó khăn dẫn đến bất đồng quan điểm sống, cãi vã, ông T có đánh đập khiến cho bà cảm thấy luôn lo sợ, bất an, cuộc sống căng thẳng, không còn hạnh phúc. Từ

tháng 7/2023, do bà và ông T hay cãi vã, ông T thường xuyên vắng nhà. Khi về, ông T cũng không phụ giúp công việc gia đình. Ông T làm nghề lái xe taxi, hàng tháng không đưa tiền cho bà chi tiêu sinh hoạt gia đình. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà yêu cầu Toà giải quyết cho ly hôn với ông T. Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Phùng Tiến Đ, sinh ngày 10/4/2007 và Phùng Ngọc Tường V, sinh ngày 06/01/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Phùng Tiến Đ đang học nghề điện lạnh tại trường nghề Phước Lộc. Cháu Phùng Ngọc Tường V học lớp 7, Trường THCS V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông T không hỗ trợ gì cho bà trong việc chăm sóc, học hành của các con. Hiện bà làm may gia công, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà, bà M vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024, bị đơn - ông Phùng Văn T trình bày:

Ông T và bà M tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2008. Ông và bà M sinh sống cùng với gia đình bà M tại Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống đến năm 2023 thì giữa ông và bà M có phát sinh mâu thuẫn do bà M thường xuyên ăn nhậu về khuya, không chung thủy dẫn đến vợ chồng cãi vã, khi nóng tính ông có tát bà M. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 11/2023, ông bỏ ra ngoài sinh sống, ăn ngủ trên xe (do ông làm nghề lái xe taxi). Khi toà triệu tập ông biết nhưng không đồng ý ly hôn nên không đến làm việc. Đối với yêu cầu ly hôn của bà M thì ông không đồng ý, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Ông T xác định ông và bà M có 02 con chung là Phùng Tiến Đ và Phùng Ngọc Tường V. Khi ly hôn, ông đồng ý giao các con cho bà M trực tiếp nuôi. Thu nhập mỗi tháng của ông T bình khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng), do bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên ông tự cấp dưỡng cho con theo khả năng kinh tế của mình. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T cũng không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại các phiên hoà giải và phiên toà, ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên Tòa án xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông T. Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung cho bà M trực tiếp nuôi; bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ; tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào các điều 28, 35, 39; điểm b, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà M và Giấy chứng nhận kết hôn số 153 ngày 09/5/2008 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà M và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà M, ông T trong quá trình tố tụng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng sống ly thân. Xét thấy, trong thời gian giải quyết vụ án, cả bà M và ông T đều không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ; tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024, ông T trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia phiên hoà giải để vợ chồng cũng tháo gỡ, giải quyết mâu thuẫn. Quá trình tố tụng, bà M cũng kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông T là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 50 ngày 03/6/2008 do UBND xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp và bản sao giấy khai sinh số 20 ngày 17/01/2011 do UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp, có cơ sở để xác định: Bà M và ông T có hai con chung là cháu Phùng Tiến Đ, sinh ngày 10/4/2007 và Phùng Ngọc Tường V, sinh ngày 06/01/2011. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của bà M thì thấy: Các cháu Phùng Tiến Đ và Phùng Ngọc Tường V đều có nguyện vọng

được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn; kể từ thời điểm cha mẹ sống ly thân đến nay, hai con cháu sống ổn định với mẹ; mặt khác ông T cũng đồng ý giao hai con cho bà M trực tiếp nuôi. Do vậy, để không gây xáo trộn về tâm sinh lý và đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Phùng Tiến Đ và Phùng Ngọc Tường V cho bà M trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Trịnh Thị Như M đối với ông Phùng Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Như M được ly hôn với ông Phùng Văn T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung là Phùng Tiến Đ, sinh ngày 10/4/2007 và Phùng Ngọc Tường V, sinh ngày 06/01/2011 cho bà Trịnh Thị Như M trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phùng Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị Như M chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2877 ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Trịnh Thị Như M đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Huyền